

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 29-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Văn Phẩm, Ông Vũ Ngọc Côn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lục Văn Đ, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Lục Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 1999, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn Hợp Thành, xã Trù Hựu, huyện Lục Ngạn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, từ năm 2020 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong phát triển kinh tế và nuôi dạy con, thường xuyên xảy ra to tiếng. Vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không còn tình cảm với nhau nữa. Nay thấy vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lục Văn Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lục Trung K, sinh năm 2000; cháu Lục Văn H, sinh ngày 08/4/2009. Ly hôn cháu K đã trưởng thành có gia đình riêng tôi không có yêu cầu đề nghị gì, cháu H có nguyện vọng ở với ai tôi tôn trọng quyền quyết định của cháu.

- Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Tôi và anh Lục Văn Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Tôi và anh Lục Văn Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Lục Văn Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh Lục Văn Đ được.

Tại biên bản xác minh ngày 15/3/2023 Tòa án đã đến nơi cư trú của anh Lục Văn Đ giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh Lục Văn Đ được biết, nhưng anh Đ không có mặt tại địa phương, không có thông tin anh Đ đi đâu, làm gì. Tòa án tiến hành xác minh với ông Nguyễn Văn Thiện trưởng thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang cung cấp những thông tin như sau: Anh Lục Văn Đ, sinh năm 1980 và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Năm 1999 anh Đ, chị T lập gia đình và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hải. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn H, xã T. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân cụ thể là gì thì ban quản lý thôn không được biết, đã nhiều lần thôn phải đứng ra can ngăn hai vợ chồng anh Đ, chị T (hay xảy ra cãi vã, đánh nhau). Hiện nay chị T, anh Đ đã sống ly thân một thời gian dài, anh Đ đi làm ăn xa nhà thì thoảng có về thăm gia đình và các con, việc anh Đ đi đâu, làm công việc gì thì ban quản lý thôn không biết được cụ thể. Anh Đ, chị T sinh được hai người con chung con lớn đã trưởng thành lập gia đình riêng, cháu bé hiện nay

vẫn đang sinh sống tại thôn Hợp Thành, xã Trù Hựu thể trạng cháu phát triển bình thường, khoẻ mạnh. Nay chị Nguyễn Thị T làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, quan điểm của ban quản lý thôn đề nghị Toà án thu thập, xác minh giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của công dân.

Tại phiên tòa ngày 10 tháng 5 năm 2023, anh Lục Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa xét xử vào ngày 29 tháng 5 năm 2023.

Tại phiên tòa ngày 29 tháng 5 năm 2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt có đơn xin vắng mặt, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, giải quyết con chung với anh Lục Văn Đ. Bị đơn anh Lục Văn Đ vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lục Văn Đ.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T là người trông nom, nuôi dưỡng con chung là Lục Văn H, sinh ngày 08/4/2009. Sau khi ly hôn anh Lục Văn Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn với anh Lục Văn Đ. Bị đơn anh Lục Văn Đ đang sinh sống tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Lục Văn Đ vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Lục Văn Đ theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Lục Văn Đ vẫn có địa chỉ và thông tin cư trú tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tại Công văn số 7070/QLXNC-P5 ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An cung cấp thông tin anh Lục Văn Đ không có thông tin về việc xuất nhập cảnh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt anh Lục Văn Đ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị T: Chị và anh Lục Văn Đ trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Anh chị chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung về nhiều vấn đề trong cuộc sống, đã ly thân từ thời gian đó cho đến nay không ai quan tâm tới ai. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Lục Văn Đ là hợp pháp. Hiện nay, chị Nguyễn Thị T và anh Lục Văn Đ không còn sống chung cùng nhau, không ai quan tâm đến ai. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị T, anh Đ đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều

56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lục Văn Đ.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lục Văn Đ có hai con chung là Lục Trung K, sinh ngày 18/7/2000, cháu Lục Văn H, sinh ngày 08/4/2009. Hiện nay, cháu K đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không có yêu cầu đề nghị gì, còn cháu H có nguyện vọng ở chị T. Hội đồng xét xử thấy Chị Nguyễn Thị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh Lục Văn Đ không có mặt tại gia đình, thường xuyên vắng nhà, không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lục Văn H là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu.

[3.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Chị Nguyễn Thị T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lục Văn Đ
2. Về con chung: Giao con chung là Lục Văn H, sinh ngày 08/4/2009 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi lần lượt các

con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh Đ được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015160 ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Đức Như